

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-PT
Ngày: 22 - 8 -2023
V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng
Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương
Bà Trần Thị Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2023/QĐ-PT ngày 28/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H – sinh năm 1973; cư trú tại số A đường L, tổ E, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh T – sinh năm 1970; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ liên hệ: số A đường L, tổ E, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2023).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Khánh C – sinh năm 1981; cư trú tại số F đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và ông Bùi Văn L – sinh năm 1977; cư trú tại số B đường T, tổ G, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng C1; địa chỉ: số A đường L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Phạm Thị Khánh C.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

(Bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Trần Minh T, bà Phạm Thị Khánh C có mặt; ông Bùi Văn L và đại diện Văn phòng C1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 01/4/2022, đơn sửa đổi bổ sung ngày 21/4/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H do ông Trần Minh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/8/2021, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (viết tắt là TAND thành phố Quảng Ngãi) thụ lý vụ án dân sự số 226/TLST-DS về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, bị đơn bà Phạm Thị Khánh C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn L. Tại Bản án số 08/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của TAND thành phố Quảng Ngãi (viết tắt bản án số 08/2022/DS-ST) thì bà Phạm Thị Khánh C phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H tổng cộng 147.840.000 đồng; trong đó tiền gốc 140.000.000 đồng, tiền lãi 7.840.000 đồng. Bản án số 14/2022/DS-PT ngày 29/4/2022 của TAND tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là bản án số 14/2022/DS-PT) tuyên xử công nhận sự thỏa thuận giữa bà H và bà C, bà C có nghĩa vụ trả nợ cho bà H tổng số tiền 179.847.500 đồng; trong đó tiền gốc 140.000.000 đồng, tiền lãi 39.847.500 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thì giữa bà C và ông L thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn là căn nhà 02 tầng tại thửa đất số 4511, tờ bản đồ số 01, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn đã được công chứng tại Văn phòng C1 số công chứng 9945, quyền số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/8/2021 nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H, làm bà H mất quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong vụ án dân sự thụ lý số 226/2021/TB-TLVA ngày 10/8/2021 và mất quyền thi hành án khi có Bản án sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 và Bản án phúc thẩm số 14/2022/DS-PT ngày 29/4/2022. Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn trên vi phạm các Điều 117, 122, 123 Bộ luật dân sự nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn được công chứng tại Văn phòng C1 số công chứng 9945, quyền số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/8/2021 là vô hiệu.

** Tại bản tự khai ngày 27/5/2022, biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Khánh C trình bày:*

Tài sản chung giữa bà và ông Bùi Văn L là căn nhà 02 tầng được xây dựng vào năm 2010, diện tích xây dựng 63,245m², diện tích sàn 131,85m² tại thửa đất số 4511, tờ bản đồ số 01, phường N, thành phố Q (viết tắt là thửa 4511). Thửa đất trên do cha mẹ ông Lý t cho riêng ông Bùi Văn L. Thời điểm ly hôn ngày 30/6/2021 giữa bà và ông L chưa thỏa thuận giải quyết tài sản chung là giá trị còn lại của căn nhà trên thửa đất nêu trên và theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu phân chia tài sản chung khi ly hôn thì bà và ông L phải chịu tiền án phí nên hai bên thỏa thuận tự phân chia. Căn nhà được xây dựng từ năm 2010 nay đã xuống cấp, giá trị còn lại khoảng 200.000.000 đồng nên giữa bà và ông L thỏa thuận ông L nhận căn nhà và thối lại cho bà số tiền 100.000.000 đồng. Ông L cần có thời gian gom tiền để thanh toán lại cho bà nên đến ngày 19/8/2021 bà và ông L mới thỏa thuận phân chia tài sản chung sau ly hôn, Văn bản thỏa thuận trên đã được công chứng số 9945, quyền số 05/2021TP/CC- SCC/HĐGD ngày 19/8/2021 tại Văn phòng công chứng Ngô Văn H1 là đúng quy định của pháp luật.

Do làm ăn thua lỗ nên bà lâm vào nợ nần, mất khả năng trả nợ cho bà H và một số chủ nợ khác chứ không phải bà và ông L tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Hơn nữa, tại thời điểm ngày 19/8/2021 chưa có bản án, quyết định nào có hiệu lực của Tòa án buộc bà phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H nên việc thỏa thuận phân chia tài sản trên là hợp pháp, bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau ly hôn giữa bà và ông Bùi Văn L lập ngày 19/8/2021 vô hiệu, bà không có yêu cầu giải quyết hậu quả trong trường hợp Tòa án giải quyết tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau ly hôn ngày 19/8/2021 vô hiệu.

** Tại bản tự khai ngày 31/5/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Bùi Văn L trình bày:*

Quyền sử dụng đất thửa 4511 có nguồn gốc là của cha mẹ ông là ông Bùi T1 và bà Nguyễn Thị Thùy Đ tặng cho riêng ông vào năm 2010. Tài sản chung giữa ông và Phạm Thị Khánh C là căn nhà 02 tầng được xây dựng vào năm 2010, diện tích xây dựng 63,245m², diện tích sàn 131,85m² tại thửa 4511. Giữa ông bà C thỏa thuận chia tài sản chung, ông nhận căn nhà và thối lại cho bà C 100.000.000 đồng; Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau ly hôn nêu trên đã được công chứng số 9945, quyền số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/8/2021 tại Văn phòng công chứng Ngô Văn H1 là đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa ông với bà Phạm Thị Khánh C số công chứng 9945,

quyền số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/8/2021 tại Văn phòng C1 vô hiệu do vi phạm về nội dung và thủ tục công chứng là không có căn cứ, bà H cho rằng việc phân chia tài sản nêu trên nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà là không đúng vì tại thời điểm ngày 19/8/2021 chưa có bản án, quyết định nào có hiệu lực của Tòa án buộc ông và bà C phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Bà H xác định không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau ly hôn theo thủ tục việc dân sự là không đúng pháp luật, xâm phạm quyền lợi của ông nên ông không đồng ý đối với yêu cầu của bà H và ông không có yêu cầu giải quyết hậu quả trong trường hợp Tòa án giải quyết tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau ly hôn ngày 19/8/2021 vô hiệu.

** Tại Văn bản số 81/CV-VPCC-NVH ngày 26/5/2022, bản tự khai ngày 25/8/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Ngô Văn H1 do người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Việc công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn, số công chứng 9945, quyền số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại Văn phòng C1 đảm bảo đúng quy định của pháp luật về công chứng. Tại thời điểm công chứng, Công chứng viên đã kiểm tra nhà đất thuộc thửa số 4511 không có tranh chấp, không có đơn ngăn chặn, Công chứng viên đã công bố toàn văn nội dung Văn bản công chứng cho ông L, bà C nghe, hiểu và đồng ý ký tên, lăn tay điểm chỉ. Sau khi ký Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn, ông L đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng cho bà C nhận trước mặt Công chứng viên nên Công chứng viên tiếp tục công chứng Giấy xác nhận giao nhận tiền ngày 19/8/2021 giữa bà C, ông L.

Việc bà C, ông L lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, Công chứng viên đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về công chứng nên yêu cầu của bà H là không có cơ sở chấp nhận.

** Bản án số 05/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H: Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau ly hôn giữa ông Bùi Văn L và bà Phạm Thị Khánh C được Văn phòng C1 công chứng ngày 19/8/2021 là vô hiệu.

2. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 30/3/2023 và ngày 25/4/2023, bà Phạm Thị Khánh C có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung với nội dung: Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 282/QĐ-VKS-DS ngày 28/3/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm vụ án, sửa bản án dân sự trên theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Khánh C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Khánh C; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi làm trong hạn luật định là hợp lệ theo các Điều 272, 273, 279, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự : Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Khánh C; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 282/QĐ-VKS-DS ngày 28/3/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi; sửa Bản án số 05/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H. Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 15/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên án vụ án nêu trên. Ngày 30/3/2023 và ngày 25/4/2023, bà Phạm Thị Khánh C có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung. Ngày 30/3/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 282/QĐ-VKS-DS đối với bản án số 05/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo phù hợp quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền, hình thức, nội dung và thời hạn kháng nghị là phù hợp với quy định tại các Điều 278, 279, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Khánh C, thì thấy rằng:

Ngày 30/6/2021, ông Bùi Văn L và bà Phạm Thị Khánh C thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 79/2021/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Tại quyết định này, ông L, bà C khai về nợ chung không có. Về tài sản chung: Ông L, bà C tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/8/2021, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án dân sự số 226/TLST-DS, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H, bị đơn là bà Phạm Thị Khánh C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn L. Ngày 12/8/2021, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án trên cho bà Phạm Thị Khánh C và ông Bùi Văn L. Theo bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 thì bà Phạm Thị Khánh C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 147.840.000 đồng và tại bản án dân sự phúc thẩm số 14/2022/DS-PT ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì bà Phạm Thị Khánh C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 179.847.500 đồng.

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án số 226/TLST-DS ngày 10/8/2021, thì vào ngày 19/8/2021 giữa bà Phạm Thị Khánh C và ông Bùi Văn L lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn là căn nhà 02 tầng được xây dựng vào năm 2010, diện tích xây dựng 63,245m², diện tích sàn 131,85m² tại thửa đất số 4511, tờ bản đồ số 01 (viết tắt là thửa 4511), phường N, thành phố Q được Văn phòng Công chứng Ngô Văn H1 công chứng số công chứng 9945, quyển số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/8/2021. Theo đó, bà C giao căn nhà trên cho ông L quản lý, sử dụng; ông L giao cho bà C số tiền 100.000.000 đồng.

Như vậy, tại thời điểm ông Bùi Văn L và bà Phạm Thị Khánh C lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn thì bà Nguyễn Thị Ngọc H đã có

đơn khởi kiện yêu cầu bà C, ông L có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 171.500.000 đồng và đã được Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết. Mặc dù, tại thời điểm bà C và ông L lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau ly hôn chưa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hay quyết định thi hành án buộc bà C, ông L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H và cũng không có cơ quan tổ chức có thẩm quyền hay cá nhân nào có yêu cầu ngăn chặn, cấm chuyển dịch tài sản đối với thửa 4511. Tuy nhiên, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2021 (trong hồ sơ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”) bà C thừa nhận từ tháng 5/2019 bà có vay của bà H số tiền 140.000.000 đồng, bà đã trả một ít nợ gốc và nợ lãi hiện chỉ còn nợ bà H 132.000.000 đồng nhưng chưa có điều kiện trả nợ. Điều đó, chứng tỏ tại thời điểm bà C và ông L lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn thì bà C đã biết mình đang có nghĩa vụ trả nợ cho bà H, nhưng khi lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn thì bà C không sử dụng số tiền 100.000.000 đồng ông L giao cho bà để trả nợ cho bà H là trốn tránh nghĩa vụ. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà C trình bày, bà dùng số tiền 100.000.000 đồng ông L giao cho bà để trả nợ cho nhiều người nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng minh.

Mặt khác, tại Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn, bà C và ông L cam kết việc phân chia tài sản này không nhằm trốn tránh bất cứ một nghĩa vụ tài chính nào chưa thực hiện với người khác. Nhưng tại thời điểm lập Văn bản thỏa thuận này, thì bản thân bà C biết rõ bà C đang nợ tiền của bà H từ năm 2019 và chưa trả.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định: Việc bà C và ông L lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn đối với căn nhà 02 tầng tại thửa đất số 4511, được Văn phòng C1 công chứng ngày 19/8/2021, nhưng bà C không sử dụng số tiền này để thanh toán nợ cho bà H là giả tạo, nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba, nên bị vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm, ông Bùi Văn L đồng ý với kết quả giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm nên không có kháng cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định việc bà C và ông L lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn nhằm mục đích tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho người khác, nên Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn vô hiệu do vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại khoản 4 Điều 3 và trái đạo đức xã hội theo Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015 là áp dụng điều luật chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà C và ông L không yêu cầu giải quyết hậu quả của tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Trường hợp bà C, ông L có yêu cầu thì có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.2] Xét nội dung kháng nghị cho rằng: “*Tại thời điểm ngày 19/8/2021, lúc ông L, bà C lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn thì Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi chỉ mới thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chưa có bản án có hiệu lực pháp luật hay quyết định thi hành án nào buộc bà C phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H*”, Hội đồng xét xử nhận thấy: Như đã nhận định trên thì tại thời điểm ông L, bà C lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn thì chưa có bản án có hiệu lực pháp luật buộc bà C, ông L trả tiền cho bà H và không bị các cơ quan có thẩm quyền hay cá nhân có yêu cầu ngăn chặn hay cấm chuyển dịch nhà đất tại thửa đất số 4511. Tuy nhiên, bản thân bà C biết mình đang có nghĩa vụ trả tiền cho bà H, nhưng khi lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn, bà C được ông L thanh toán 100.000.000 đồng thì bà C không sử dụng số tiền này để trả nợ cho bà H là trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba. Như vậy, việc ông L, bà C lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn, nhưng bà C không sử dụng số tiền này để trả nợ cho bà H (trong khi bà C thừa nhận ngoài tài sản này bà không còn tài sản nào khác) là giả tạo, nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba nên bị vô hiệu. Do đó, nội dung kháng nghị như trên là không căn cứ, nên không được chấp nhận.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn là bà Phạm Thị Khánh C và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không cung cấp được chứng cứ mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C; không chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002829 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Bà Phạm Thị Khánh C, ông Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Khánh C nên bà C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà C đã nộp theo Biên

lai số 0004693 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Khánh C; Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 282/QĐ-VKS-DS ngày 28/3/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Áp dụng khoản 11 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 124, 131 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H: Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau ly hôn giữa ông Bùi Văn L và bà Phạm Thị Khánh C được Văn phòng C1 công chứng ngày 19 tháng 8 năm 2021 là vô hiệu.

2. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002829 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Bà Phạm Thị Khánh C, ông Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Khánh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà C đã nộp theo Biên lai số 0004693 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- VKSND thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng